TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/HNGĐ- ST
Ngày 28-6-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN- TỈNH YÊN BÁI
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Xuân Vũ
- Ông Nguyễn Ngọc Minh

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Linh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 123/2022/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 03-6 -2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15-6-202 giữa;

Nguyên đơn: Chị Lương Thị B, sinh năm 1988- Có mặt

Địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện L, tỉnh Y

Bị đơn: Anh Lê Quang Y, sinh năm 1986- Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện L, tỉnh Y

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 5 năm 2022 và lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Lương Thị B trình bày: Chị B và anh Lê Quang Y kết hôn với nhau ngày 05-01-2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh V, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Chị B và anh Y chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hay đánh cãi chửi nhau. Chị B và anh Y đã sống ly thân từ đầu tháng 02-2021. Nay chị B xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Y.

Về con chung: Chị B và anh Y có 02 con chung tên là Lê Vĩnh A, sinh ngày 09-11-2012 và Lê Thu H, sinh ngày 09-10-2015. Chị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Lê Vĩnh A và Lê Thu H, không yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị B và anh Y tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai ngày 23 tháng 5 năm 2022 và đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Quang Y trình bày: Anh Y và chị Lương Thị B kết hôn với nhau ngày 05-01-2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh V, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Anh Y và chị B chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh Y và chị B đã sống ly thân từ đầu tháng 02-2021. Nay anh Y xác định tình cảm không còn, chị B xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh Y và chị B có 02 con chung tên là Lê Vĩnh A, sinh ngày 09-11-2012 và Lê Thu H, sinh ngày 09-10-2015. Chị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Lê Vĩnh A và Lê Thu H, anh Y không phải cấp dưỡng nuôi con anh đồng ý.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Y và chị B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành hòa giải, nhưng anh Y vắng mặt không có lý do nên không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 xử: Chị B được ly hôn anh Y; giao cháu A và cháu H cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, anh Y không phải cấp dưỡng nuôi con, chị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án huyện L là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b

khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn.

[2] *Về tư cách người tham gia tố tụng*: Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] *Về tình cảm:* Chị Lương Thị B và anh Lê Quang Y kết hôn với nhau ngày 05-01-2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh V, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp. Chị B và anh Y chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau. Chị B và anh Y đã sống ly thân từ đầu tháng 02-2021. Chị B xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Y. Các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa anh Y vắng mặt, nhưng trong bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, anh Y xác định tình cảm không còn, chị B xin ly hôn anh đồng ý. Tại biên bản xác minh ngày 31-5-2022 ở Thôn L, xã K, huyện L, tỉnh Y cũng xác nhận: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị B và anh Y là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị B và anh Y đã sống ly thân từ đầu tháng 02-2021. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa chị B và anh Y là trầm trọng. đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị B là có căn cứ, được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chị B được ly hôn anh Y.

[4] *Về con chung*: Chị B và anh Y có 02 con chung tên là Lê Vĩnh A, sinh ngày 09-11-2012 và Lê Thu H, sinh ngày 09-10-2015. Chị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Lê Vĩnh A và Lê Thu H, không yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Y vắng mặt, nhưng tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt anh Y nhất trí để chị B trực tiếp nuôi cháu A và cháu H, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Biên bản xác minh ngày 31 tháng 5 năm 2022 ở Thôn L, xã K, huyện L, tỉnh Y cũng xác nhận: Cháu A và cháu H sống với chị B từ nhỏ, hiện nay đang ở cùng chị B. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu A và cháu H còn nhỏ đang ở cùng chị B nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ, nguyện vọng của cháu A muốn được ở cùng chị B. Để đảm bảo ổn định tâm sinh lý và sự phát triển bình thường của cháu A và cháu H cần giao cho chị B được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật, phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của cháu A. Áp dụng điều 81, 82. 83 Luật hôn nhân và gia đình xử: Giao cháu A và cháu H cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, anh Y không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị B và anh Y tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] *Về án phí*: Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân xử: Chị Lương Thị B được ly hôn anh Lê Quang Y.

2- Về con chung xử: Giao hai cháu Lê Vĩnh A, sinh ngày 09-11-2012 và Lê Thu H, sinh ngày 09-10-2015 cho chị Lương Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, anh Lê Quang Y không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3- Về án phí: Chị Lương Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị B đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2021/0002339 ngày 17-5-2022 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4- Quyền kháng cáo: Chị Lương Thị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Quang Y được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TA Tỉnh Y;
- VKS Lục Yên;
- CCTHA Lục Yên;
-UBND xã T, huyện Sông Lô, tỉnh V
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

Hoàng Văn Anh